

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM																								
Câu 1	<p><b>a) Giờ truyền hình trực tiếp tại các địa điểm ở một số quốc gia:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Vị trí</th> <th>Việt Nam</th> <th>Anh</th> <th>Nga</th> <th>Ôxtraylia</th> <th>Hoa Kỳ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Kinh độ</td> <td>105<sup>0Đ</sup></td> <td>0<sup>0</sup></td> <td>45<sup>0Đ</sup></td> <td>150<sup>0 Đ</sup></td> <td>120<sup>0T</sup></td> </tr> <tr> <td>Giờ</td> <td>22h</td> <td>15h</td> <td>18h</td> <td>1h</td> <td>7h</td> </tr> <tr> <td>Ngày</td> <td>30/5</td> <td>30/5</td> <td>30/5</td> <td>31/5</td> <td>30/5</td> </tr> </tbody> </table> <p>( Mỗi địa điểm đúng cho 0,25đ)</p> <p><b>b) Trình bày mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong quá trình hình thành các dạng địa hình trên Trái Đất</b></p> <p>* Nêu khái niệm, nguyên nhân của nội lực, ngoại lực</p> <p>* Mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong quá trình hình thành các dạng địa hình trên Trái Đất:</p> <p>- Hai quá trình diễn ra đồng thời nhưng mang tính đối lập: Nội lực làm nâng lên hay hạ xuống các bộ phận của vỏ Trái Đất, làm tăng tính gồ ghề của địa hình. Ngoại lực lại thông qua phong hóa, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ mà có xu hướng san bằng những chỗ địa hình gồ ghề.</p> <p>- Dù đối lập nhưng 2 quá trình tác động qua lại, góp phần tạo ra hình thái địa hình bề mặt Trái Đất. Ở nơi được nâng lên tạo ra miền núi thì ngoại lực chủ yếu là bóc mòn để hạ thấp địa hình, còn ở nơi bị hạ xuống, thấp trũng thì ngoại lực chủ yếu là bồi tụ để lấp đầy địa hình lên.</p> <p>- Vai trò của nội lực và ngoại lực trong các yếu tố địa hình cũng không giống nhau: Ở những địa hình lớn, địa hình kiến tạo thì nội lực đóng vai trò chủ yếu, ngoại lực chỉ là thứ yếu. Ở những địa hình nhỏ, địa hình bóc mòn-bồi tụ thì ngoại lực lại giữ vai trò chủ yếu.</p>	Vị trí	Việt Nam	Anh	Nga	Ôxtraylia	Hoa Kỳ	Kinh độ	105 <sup>0Đ</sup>	0 <sup>0</sup>	45 <sup>0Đ</sup>	150 <sup>0 Đ</sup>	120 <sup>0T</sup>	Giờ	22h	15h	18h	1h	7h	Ngày	30/5	30/5	30/5	31/5	30/5	<p><b>3 điểm</b></p> <p><b>1 điểm</b></p> <p><b>2 điểm</b></p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
Vị trí	Việt Nam	Anh	Nga	Ôxtraylia	Hoa Kỳ																					
Kinh độ	105 <sup>0Đ</sup>	0 <sup>0</sup>	45 <sup>0Đ</sup>	150 <sup>0 Đ</sup>	120 <sup>0T</sup>																					
Giờ	22h	15h	18h	1h	7h																					
Ngày	30/5	30/5	30/5	31/5	30/5																					
Câu 2	<p><b>a) Trình bày và giải thích sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất.</b></p> <p>* Sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất</p> <p>- Nhiệt độ phân bố theo vĩ độ: Từ xích đạo về cực, nhiệt độ trung bình nhìn</p>	<p><b>5 điểm</b></p> <p><b>2 điểm</b></p>																								

chung có xu hướng giảm, biên độ nhiệt có xu hướng tăng.	
- Nhiệt độ phân bố theo lục địa- đại dương: Nhiệt độ cao nhất và thấp nhất đều ở lục địa, biên độ nhiệt giảm từ lục địa ra đại dương.	0,25
- Nhiệt độ phân bố theo địa hình: độ cao, độ dốc và hướng sườn.	0,25
* Giải thích	
- Từ xích đạo về cực góc nhập xạ nhìn chung giảm dần nên nhiệt độ trung bình năm giảm dần; biên độ nhiệt tăng do chênh lệch góc nhập xạ và độ dài ngày đêm trong năm càng lớn.	0,25
- Lục địa có khả năng hấp thụ nhiệt và tỏa nhiệt nhanh hơn đại dương	0,5
- Theo độ cao nhiệt độ giảm TB $0,6^{\circ}/100m$ vì không khí loãng hơn, sạch hơn nên hấp thụ nhiệt kém hơn và bức xạ mặt đất cũng ít hơn; ở sườn đón nắng độ dốc lớn thì góc nhập xạ lớn, nhiệt độ càng cao, còn ở sườn khuất nắng độ dốc càng lớn thì góc nhập xạ càng nhỏ nhiệt độ càng thấp. Sườn đón nắng nhiệt độ trung bình cao hơn sườn khuất nắng do góc nhập xạ lớn hơn.	0,25
	0,5
<b><i>b) Dựa vào hình vẽ, trình bày và giải thích sự phân bố lượng mưa theo vĩ độ.</i></b>	
* Sự phân bố lượng mưa theo vĩ độ:	<b>3 điểm</b>
- Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo	
- Mưa khá ít ở vùng chí tuyến	
- Mưa khá nhiều ở vùng ôn đới,	0,25
- Mưa rất ít ở vùng 2 cực, cực bắc nhiều hơn cực nam	0,25
* Giải thích:	0,25
- Vùng xích đạo mưa nhiều nhất vì là khu vực có áp thấp, nhiệt độ cao, lại có diện tích biển, đại dương lớn, diện tích rừng xích đạo lớn nên bốc hơi mạnh, nhiều khu vực có gió mùa hoạt động mạnh	0,25
- Vùng chí tuyến mưa khá ít vì là khu vực có áp cao, diện tích lục địa lớn, ít biển và đại dương, có gió tín phong hoạt động	0,5
- Vùng ôn đới mưa khá nhiều vì là khu vực có áp thấp, gió tây ôn đới.	
Vùng ôn đới bắc bán cầu mưa ít hơn ôn đới nam bán cầu do có tỉ lệ lục địa lớn hơn.	0,5
- Vùng cực mưa rất ít vì là khu vực áp cao, nhiệt độ rất thấp nên bốc hơi ít, chỉ có gió thổi đi. Cực bắc mưa nhiều hơn cực nam do cực bắc là bắc băng dương còn cực nam lại là lục địa châu nam cực.	0,5
	0,5

<p><b>Câu 3</b></p>	<p><b><i>Trình bày các nhân tố ảnh hưởng tới tỉ suất tử thô. Thời gian gần đây, nguyên nhân nào tạo ra sự biến động lớn trong tỉ suất tử của nhiều nước trên Thế giới? Tại sao ở các nước phát triển tỉ suất tử có xu hướng tăng trong những năm gần đây?</i></b></p> <p>* Nhân tố ảnh hưởng tỉ suất tử thô:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự nhiên: Thiên tai (...)</li> <li>- Kinh tế- xã hội: Nghèo đói, chiến tranh, dịch bệnh</li> </ul> <p>* Thời gian gần đây, dịch bệnh covid19 làm tăng cao tỉ suất tử ở nhiều nước trên thế giới</p> <p>* Các nước phát triển tỉ suất tử có xu hướng tăng những năm gần đây do dân số già và tiếp tục già hóa. Xã hội có tỉ lệ người lớn tuổi cao.</p>	<p><b>3 điểm</b></p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p>
<p><b>Câu 4</b></p>	<p><b><i>a) Tại sao ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm lại được phân bố rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt ở các nước đang phát triển, đông dân?</i></b></p> <p>* CN sản xuất hàng tiêu dùng và CN thực phẩm phân bố rộng rãi vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày như ăn, mặc....nên nước nào cũng cần</li> <li>- Thuộc nhóm CN nhẹ: đòi hỏi ít vốn, không cần KHKT và chất lượng lao động quá cao, thời gian quay vòng vốn nhanh, thu lợi nhuận dễ dàng, có khả năng xuất khẩu nên nước nào cũng làm được.</li> <li>* Đặc biệt ở các nước đang phát triển, đông dân vì: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp đặc điểm các nước đang PT: thiếu vốn, hạn chế về trình độ KHKT và chất lượng lao động, cần nhanh thu hồi vốn và lợi nhuận, đẩy mạnh xuất khẩu</li> <li>- Đông dân nên nhu cầu các sản phẩm thiết yếu này rất lớn</li> </ul> </li> </ul> <p><b><i>b) Tại sao cán cân xuất nhập khẩu của các nước phát triển thường xuất siêu còn các nước đang phát triển thường nhập siêu?</i></b></p> <p>* Cán cân XNK là chênh lệch giữa giá trị XK và giá trị NK. Cán cân XNK= Giá trị XK- Giá trị NK. Cán cân dương gọi là Xuất siêu, cán cân âm gọi là Nhập siêu</p> <p>* Các nước phát triển thường xuất siêu còn các nước đang phát triển thường nhập siêu vì có sự chênh lệch lớn về giá trị các nhóm hàng xuất, nhập khẩu.</p>	<p><b>4 điểm</b></p> <p><b>2 điểm</b></p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>2 điểm</p> <p>0,5</p> <p>1,5</p>

	Hàng	Nước phát triển	Nước đang phát triển																					
	<b>Xuất khẩu</b>	Chủ yếu là hàng giá trị cao: Tư liệu sản xuất, hàng công nghiệp tinh chế	Chủ yếu hàng giá trị không cao: Nông sản, khoáng sản, sản phẩm thô hoặc sơ chế, hàng tiêu dùng																					
	<b>Nhập khẩu</b>	Hàng giá trị không cao: Nguyên liệu, năng lượng	Tư liệu sản xuất, hàng công nghiệp tinh chế.																					
<b>Câu 5</b>	<b>Thực hành</b>				<b>5 điểm</b>																			
	<b>a) Vẽ biểu đồ</b>				<b>3 điểm</b>																			
	* Bảng tốc độ tăng trưởng sản lượng than và điện thế giới 1950-2003				1,0																			
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tốc độ tăng trưởng (%)</th> <th>1950</th> <th>1970</th> <th>1980</th> <th>1990</th> <th>2003</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Than</td> <td>100</td> <td>161</td> <td>207</td> <td>186</td> <td>291</td> </tr> <tr> <td>Điện</td> <td>100</td> <td>513</td> <td>853</td> <td>1223</td> <td>1535</td> </tr> </tbody> </table>					Tốc độ tăng trưởng (%)	1950	1970	1980	1990	2003	Than	100	161	207	186	291	Điện	100	513	853	1223	1535	2,0
Tốc độ tăng trưởng (%)	1950	1970	1980	1990	2003																			
Than	100	161	207	186	291																			
Điện	100	513	853	1223	1535																			
	*Vẽ biểu đồ thích hợp nhất:																							
	- Biểu đồ đường biểu diễn ( Các dạng biểu đồ khác không cho điểm)																							
	- Có trục tung, trục hoành đúng tỉ lệ																							
	- Có đầy đủ số liệu tăng trưởng, tên biểu đồ, chú giải, đơn vị %																							
	- Hình vẽ đẹp (Thiếu chi tiết nào trừ 0,25đ)																							
	<b>b) Nhận xét và giải thích</b>																							
	* Nhận xét:				0,5																			
	+ Từ 1950 đến 2003 cả sản lượng than và điện đều tăng lên ( số liệu)				0,5																			
	+ Tốc độ tăng khác nhau: Điện tăng nhanh hơn nhiều so với than ( số liệu)																							
	* Giải thích:				0,5																			
	+ Điều tăng do nhu cầu sử dụng tăng và do sự phát triển của 2 ngành này				0,5																			
	+ Điện tăng nhanh hơn do đây là loại năng lượng còn nhiều tiềm năng hơn, gần đây đưa vào khai thác nhiều nguồn năng lượng mới. Đồng thời do sự phát triển của kinh tế, xã hội thế giới nhu cầu của công nghiệp và đời sống ngày càng lớn. So với các loại năng lượng khác nó cũng ít gây ô nhiễm môi trường hơn. Còn than, do mức độ gây ô nhiễm môi trường nặng hơn, nguồn than cũng đang có nguy cơ cạn kiệt ở nhiều nơi nên tốc độ tăng khá chậm.				0,5																			

**Lưu ý :** Thí sinh trả lời theo cách riêng nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu như trong hướng dẫn chấm thì vẫn cho đủ điểm như quy định.